TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: **09** /2023/HS-ST
Ngày 10/02/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/TLST-HS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HS ngày 11/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Chu Văn T**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 3 năm 1978, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Chu Đình C (đã chết); Con bà: Hoàng Thị V, hiện ở khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Hà Thị L, sinh năm 1979, hiện ở khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hoàng Văn L1**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1976, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đ4 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng).

Con ông: Hoàng Anh D, sinh năm 1938; Con bà: Hà Thị V1, sinh năm 1940 hiện ở khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, hiện ở khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: 01 - Tại Bản án số 23/2021/HSST ngày 31/5/2021 Toà án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 25.000.000đ về tội đánh bạc; đã nộp tiền xong ngày 08/3/2022.

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hoàng Văn N; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1971, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 1/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Anh D, sinh năm 1938; Con bà: Hà Thị V1, sinh năm 1940 hiện ở khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1971 (đã ly hôn), hiện không rõ làm gì, ở đâu.

Con: Có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/10/2014 Toà án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Hà Đức H1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 8 năm 1979, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu E, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hà Văn K (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị É (đã chết).

Vợ: Hà Thị H2, sinh năm 1981, hiện ở khu E, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 04 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/7/2014 Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Hà Văn L2**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 14 tháng 9 năm 1972, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hà Hồng Q (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1937.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, hiện ở khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lê Văn Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1965, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lê Văn T3 (đã chết); Con bà: Hà Thị N1 (đã chết).

Vợ: Lê Thị M, sinh năm 1970, hiện ở khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2010, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Hà Quang V2**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1985, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đ4 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng).

Con ông: Hà Quang L3, sinh năm 1952; Con bà: Chu Thị C1, sinh năm 1956 hiện ở khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Nguyễn Thị Thu N2, sinh năm 1986, hiện ở khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Hà Văn T4; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1979, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hà Xuân K1, sinh năm 1958; Con bà: Hoàng Thị T5, sinh năm 1957 hiện ở khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Tống Thị Thu H3, sinh năm 1982, hiện ở khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Cao Xuân H4**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 11 năm 1965, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu P, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Cao Văn B (đã chết); Con bà: Hà Thị D1 (đã chết).

Vợ: Đỗ Thị Diên H5, sinh năm 1969, hiện ở khu P, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 12.000.000đ về tội Đánh bạc; Năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt 13 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ1**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1981, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 1/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn Đ2 (đã chết); Con bà: Hoàng Thị H6, sinh năm 1955 hiện ở khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Hoàng Thu H7, sinh năm 1984, hiện ở khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/7/2014 Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Lê Xuân D2**;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1988, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lê Văn T6, sinh năm 1955; Con bà: Trịnh Thị T7, sinh năm 1956 hiện ở khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Trần Thị N3, sinh năm 1988, hiện ở khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án + Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10h40 ngày 05/8/2022, tại khu vực lán chăn nuôi của gia đình Hoàng Văn X - SN 1980 ở khu B, xã T, huyện T; Công an huyện T phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện một số đối tượng đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh

"Xóc đĩa", cá cược được thua bằng tiền VNĐ. Khi thấy lực lượng Công an đến một số đối tượng bỏ chạy ra phía cánh đồng về hướng ngã ba S. Chỉ còn lại Hoàng Văn L1 - SN 1976, trú tại khu 2; Nguyễn Văn Đ1 - SN 1981, trú tại khu A; Hà Đức H1 - SN 1979, trú tại khu 5 đều ở xã T. Tổ công tác yêu cầu những người bỏ chạy quay lại vị trí đánh bạc làm việc, những người quay lại gồm: Chu Văn T - SN 1978, trú tại khu 4; Hà Văn T4 - SN 1979, trú tại khu 2; H – SN 1985, trú tại khu 4; Hoàng Văn N – SN 1971, trú tại khu B, xã T; C – SN 1965, trú tại khu P; Lê Văn Đ – SN 1965, trú tại khu Đ 1; Hà Văn L2 – SN 1972, trú tại khu Đ, đều thuộc xã Đ, huyện T. Vật chứng thu giữ tại nơi đánh bạc gồm: Tiền NHNNVN 450.000 đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng); 01 tấm bạt loại bạt xác rắn màu ghi xám KT 3,4 x 1,4m đã cũ; 01 tấm thảm hình chữ nhật, một mặt màu nâu, một mặt có nhiều màu sắc hoa văn hình bông hoa hồng là chủ đạo KT 1,65 x 0,55m; 01 chiếc đĩa sứ hình tròn đã bị vỡ làm 3 mảnh. Mở rộng hiện trường về phía cánh đồng thu giữ 04 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long đường kính 1,9cm (quân vị); 01 bát sứ đường kính miệng 11,4cm và số tiền 2.200.000 đ.

Các đối tượng tự nguyện giao nộp:

- Lê Văn Đ: Tiền NHNNVN: 1.200.000 đ; 01 xe mô tô BKS: 19M1 – 018.33; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 gắn sim số 0328 879 485.

- Cao Xuân H4: Tiền NHNNVN: 6.000.000 đ; 01 xe mô tô BKS: 19N1 – 3135; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A30 gắn sim số 0977 388 965.

- Hà Đức H1*:* Tiền NHNNVN: 16.730.000 đ; 01 xe mô tô BKS: 19K1 – 142.00; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J4, gắn sim số 0386 637 155; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, gắn sim số 0388 689 908.

- Nguyễn Văn Đ1*:* Tiền NHNNVN: 13.990.000 đ; 01 xe mô tô BKS: 19K7 – 0833; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A73, gắn sim số 0395 585 682.

- Hoàng Văn L1*:* Tiền NHNNVN: 5.100.000 đ; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy A12, gắn sim số 0973 748 676 và số 0335 533 695.

- Hoàng Văn N*:* 01 xe mô tô BKS: 19H1 – 2411; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, gắn sim số (chưa xác định).

- Chu Văn T*:* 01 xe mô tô BKS: 19K1 – 028.38; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, gắn sim số 0987 367 657.

- Hà Quang V2*:* 01 xe mô tô BKS: 19 – 551 F2.

- Hà Văn L2*:* 01 xe mô tô BKS: 19M1 – 069.07.

- Hoàng Văn X*:* Tiền NHNNVN: 2.300.000 đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, gắn sim số 0388 689 908.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng đánh bạc khai nhận: Do có mối quan hệ quen biết thường tụ tập ăn cơm, uống rượu, nên khoảng 09 giờ 40 phút ngày 05/8/2022, Hà Đức H1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn T8, Hà Quang V2, Hoàng Văn N, Chu Văn T, Lê Văn Đ đến lán chăn nuôi của Hoàng Văn X rủ nhau bắt cá để nấu cơm uống rượu. Trong lúc chưa có lưới bắt cá thì mọi người đi ra vườn ổi phía sau lán hái hoa quả ăn, còn X đi dọn dẹp lán trại, cho lợn và trâu ăn cách vườn ổi khoảng 100m. Tại đây mọi người rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, tất cả mọi người đều đồng ý. T tìm thấy và nhặt ở gần chiếc bạt xác rắn có sẵn trên nền đất vườn 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng cầm đến đặt xuống cho mọi người đánh bạc. V2 lấy 01 chiếc kéo dạng kéo cắt tỉa cành, quả tại vườn nhà anh X cắt 04 quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long mà V2 nhặt được làm công cụ đánh bạc. Một số người khác lấy tấm bạt

xác rắn và 01 tấm thảm loại thảm ghế ngồi trải ra nền vườn để ngồi đánh bạc. Lúc này có Cao Xuân H4 và Lê Xuân D2 – SN 1988, trú tại khu D, xã T đến thấy mọi người chuẩn bị đánh bạc nên cũng ngồi xuống cùng tham gia.

Chu Văn T là người cầm cái, xóc đĩa cho mọi người đặt cửa đánh bạc, đánh bạc được khoảng 4 – 5 ván thì T hết tiền nên Lê Xuân D2 ngồi thế vào vị trí của T cầm cái, xóc đĩa. Hình thức đánh bạc như sau: Đầu tiên Tiến là người cầm cái xóc, phía bên tay phải T là cửa chẵn, phía bên tay trái T là cửa lẻ. T cho 04 quân bài vào lòng đĩa xóc nhiều lần rồi đặt xuống; mọi người tuỳ ý chọn cửa chẵn, hoặc cửa lẻ để cá cược; mức thấp nhất đặt cửa là 50.000 đ, mức cao nhất là 200.000 đ. Khi mọi người đặt xong tiền cá cược thì T mở bát để xác định thắng thua, nếu người đặt cửa chẵn có 2 hoặc 4 quân bài có mặt cùng màu thì thắng bạc; nếu người đặt cửa lẻ có 1 hoặc 3 quân bài có mặt cùng màu thì thắng bạc. Người thắng bạc được T trả bằng số tiền đã đặt cược, người thua thì mất số tiền đã đặt cược. Việc đánh bạc anh X không biết, không có ai thu phế, không có người cảnh giới. Đánh bạc đến khoảng 10h00 cùng ngày thì có Hà Văn L2 và Hoàng Văn Đ3 – sinh năm 1998, trú tại khu B, xã T đến. Luận ngồi xuống tham gia đánh bạc; còn Đ3 không tham gia, chỉ đứng xem mọi người đánh bạc.

Về lượng tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc xác định như sau: Trước khi đánh bạc H1 mang theo số tiền 17.630.000đ, H1 sử dụng số tiền 5.000.000đ, số còn lại H1 để bên trong chiếc ví giải da màu nâu ở túi quần bên trái phía sau. L1 đem theo số tiền 5.100.000đ, dùng tất cả vào việc đánh bạc; khi bị phát hiện L1 để số tiền 5.100.000đ trong túi quần phía trước bên trái. Nguyễn Văn Đ1 đem theo số tiền 13.990.000đ, Đ1 dùng 1.000.000đ, khi bị phát hiện Đ1 để tiền ở túi quần phía sau và túi quần bên trái. T8 dùng 500.000đ, V2 dùng 400.000đ, Nam 150.000đ, T dùng 500.000đ. Điều đem theo số tiền 1.600.000 đ, dùng tất cả 1.600.000đ để đánh bạc, khi bị phát hiện Điều vơ số tiền trên chiếu bạc đút vào túi quần, đến lúc kiểm tra chỉ còn 1.200.000đ. H4 đem theo số tiền 7.000.000 đ, dùng 3.000.000đ để đánh bạc, khi kiểm tra H4 lấy số tiền 6.000.000đ từ túi quần giao nộp. D2 dùng 700.000đ; L2 dùng 300.000đ để đánh bạc. Như vậy tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 18.250.000đ (Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Về các vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 47.970.000đ thu giữ tại nơi đánh bạc, nơi gần hiện trường đánh bạc và các đối tượng tự nguyện giao nộp có 17.950.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc với nhau, số còn lại các đối tượng không dùng vào việc đánh bạc. Tất cả số tiền này hiện đã được nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Công an huyện T. Đối với 03 mảnh đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị, 01 tấm bạt, 01 tấm thảm, 01 chiếc kéo kim loại là công cụ các con bạc sử dụng để đánh bạc, các đối tượng đánh bạc tự lấy ở vườn cây nhà anh X, hiện đang được bảo quản tại Công an huyện T. Đối với 08 chiếc xe mô tô, xe gắn máy và 09 chiếc điện thoại di động các loại do các đối tượng giao nộp; quá trình điều tra xác định không có liên quan đến việc đánh bạc, không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc như trên.

Bản Cáo trạng số: 44/CT-VKSTB ngày 10/12/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Chu Văn Tiến, Hoàng Văn Lan, Hoàng Văn N, Hà Đức H1, Hà Văn L2, Lê Văn Đ, Hà Quang V2, Hà Văn T4, Cao Xuân H4, Nguyễn Văn Đ1 và Nguyễn Xuân D3 về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại

khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Đề nghị phạt bị cáo Hoàng Văn L1 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn L2 và Cao Xuân H4 mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Đức H1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập và không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với Chu Văn T và Hà Quang V2; Riêng Hà Quang V2 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn T và Hà Quang V2 từ 30 đến 35 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn T4, Lê Xuân D2 và Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo từ từ 25 đến 30 triệu đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo vì hình phạt chính là hình phạt tiền.

Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật:

Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị, 01 tấm bạt, 01 tấm thảm, 01 chiếc kéo kim loại là công cụ sử dụng đánh bạc.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 17.950.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Trả lại cho các bị cáo Hà Đức H1 11.730.000đ, Nguyễn Văn Đ1 12.990.000đ và Cao Xuân H4 3.000.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc. Nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho anh Hoàng Văn X số tiền 2.300.000đ không liên quan đến việc đánh bạc.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, không oan. Các bị cáo không tự bào chữa và cũng không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận:

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 05/8/2022, lán chăn nuôi của Hoàng Văn X, có Hà Đức H1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn T8, Hà Quang V2, Hoàng Văn N, Chu Văn T, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4, Lê Xuân D2 và Hà Văn L2 cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 18.250.000đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà các bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo Hà Đức H1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn T8, Hà Quang V2, Hoàng Văn N, Chu Văn T, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4 và Lê Xuân D2 và Hà Văn L2 phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều tham gia đánh bạc, tuy nhiên trong vụ án có bị cáo Chu Văn T và Hà Quang V2 là những người cầm cái và chuẩn bị dụng cụ, còn lại các bị cáo khác có vai trò như nhau trong vụ án. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đều có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe và hiểu biết xã hội nhưng các bị cáo đã coi thường pháp luật dẫn đến phạm tội. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn L1 có 01 tiền án: Tại Bản án số 23/2021/HSST ngày 31/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 25.000.000đ về tội Đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 08/3/2022; Thời điểm phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích do đó thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1

Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có người thân thích là người có công với cách mạng, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với các bị cáo Hoàng Văn N, Hà Văn L2, Lê Văn Đ và Cao Xuân H4 đã từng bị xét xử về tội Đánh bạc, thời điểm phạm tội đã được xóa án tích nhưng các bị cáo vẫn chưa lấy đó làm bài học kinh nghiệm để sửa chữa mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu đối với các bị cáo. Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Hà Đức H1 và Nguyễn Văn Đ1 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, các bị cáo đã chấp hành xong, vì vậy được coi như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó bị cáo H1 và bị cáo Đ1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với các bị cáo Chu Văn T, Hà Quang V2, Hà Văn T4 và Lê Xuân D2 trước lần phạm tội này đều có nhân thân tốt, vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Riêng bị cáo Lê Văn Đ có bố đẻ là Liệt sỹ chống mỹ cứu nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các Bị cáo Hoàng Văn L1, Hà Đức H1, Hoàng Văn N và Hà Quang V2 có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng, vì vậy các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Hoàng Văn L1, Hoàng Văn N, Hà Văn L2, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4 và Hà Đức H1.

Áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Chu Văn T, Hà Quang V2, Hà Văn T4, Lê Xuân D2 và Nguyễn Văn Đ1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4]. Về khấu trừ thu nhập: Tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định, người bị kết án cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà Nước.

Đối với các bị cáo Hoàng Văn L1, Hoàng Văn N, Hà Văn L2, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4 và Hà Đức H1 đều là lao động tự do không có việc làm ổn định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều trình bày hiện tại các bị cáo đều không có việc làm ổn định, thu nhập thấp. Vì vậy, xét miễn khấu trừ thu nhập cho tất cả các bị cáo, buộc các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ lao động tại cộng đồng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy, các bị cáo: Hoàng Văn L1, Hoàng Văn N, Hà Văn L2, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4 và Hà Đức H1 không có tài sản riêng gì lớn; Các bị cáo: Chu Văn T, Hà Quang V2, Hà Văn T4, Lê Xuân D2 và Nguyễn Văn Đ1 đã áp dụng hình phạt tiền là hình

phạt chính, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Hoàng Văn Đ3: quá trình các đối tượng đánh bạc, anh Đ3 chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc và không có hành vi giúp sức cho các đối tượng khác đánh bạc, vì vậy không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Hoàng Văn X: Anh X không biết các đối tượng đánh bạc tại vườn nhà mình và cũng không được hưởng lợi gì, vì vậy không đề cập xử lý là phù hợp.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ là 47.970.000đ (Trong đó có tiền thu tại nơi đánh bạc, tiền thu của anh Hoàng Văn X và tiền thu trên người các bị cáo); Cụ thể như sau:

Số tiền 2.3000.000đ thu của anh Hoàng Văn X, đây là tiền không liên quan đến việc đánh bạc; Do đó cần trả lại cho anh X là hợp pháp.

Khoản tiền thu trên người của bị cáo Lê Văn Đ là 1.200.000đ, bị cáo Hoàng Văn L1 là 5.100.000đ; Bị cáo Đ và L1 khai nhận đã sử dụng tất cả vào việc đánh bạc, do đó khoản tiền này cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Khoản tiền thu trên người bị cáo Cao Xuân H4 là 6.000.000đ, bị cáo H4 khai nhận đã sử dụng 3.000.000đ vào việc đánh bạc, còn 3.000.000đ bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc; Vì vậy cần trả lại cho bị cáo số tiền 3.000.000đ là phù hợp.

Khoản tiền thu trên người bị cáo Hà Đức H1 là 16.730.000đ, bị cáo H1 khai nhận đã sử dụng 5.000.000đ vào việc đánh bạc, còn 11.730.000đ bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc; Vì vậy cần trả lại cho bị cáo số tiền 11.730.000đ là phù hợp.

Khoản tiền thu trên người bị cáo Nguyễn Văn Đ1 là 13.990.000đ, bị cáo Đ1 khai nhận đã sử dụng 1.000.000đ vào việc đánh bạc, còn 12.990.000đ bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc; Vì vậy cần trả lại cho bị cáo số tiền 12.990.000đ là phù hợp.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã sử dụng tổng số tiền 18.250.000đ vào hành vi đánh bạc, nhưng do khi Công an vào bắt các bị cáo vơ vội tiền và bỏ chạy tiền rơi ra cánh đồng, vì vậy Cơ quan điều tra chỉ thu được tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.950.000đ. Đối với số tiền này là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với vật chứng là 04 mảnh giấy hình tròn, 01 chiếc đĩa sứ, 01 bát sứ, 01 chiếc bạt loại xác rắn, 01 thảm hình chữ nhật và 01 chiếc kéo cắt lưỡi kim loại đây là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị, xét tịch thu tiêu hủy.

- Cần xác nhận việc Cơ quan điều tra đã giao trả 08 chiếc xe mô tô, xe gắn máy và 09 chiếc điện thoại di động các loại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là các tài sản không liên quan đến việc đánh bạc.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với các bị cáo Chu Văn T, Hà Đức H1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn T8, Hà Quang V2, Hoàng Văn N, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4, Lê Xuân D2 và Hà Văn L2.

- Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L1.

- Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hà Văn L2 và Cao Xuân H4.

- Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn N.

- Căn cứ điểm s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn Đ.

- Căn cứ điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Đức H1.

- Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Văn T và Hà Quang V2; Riêng bi cáo Hà Quang V2 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Văn T4, Lê Xuân D2 và Nguyễn Văn Đ1.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo Chu Văn T, Hà Đức H1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn T8, Hà Quang V2, Hoàng Văn N, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4, Lê Xuân D2 và Hà Văn L2 phạm tội "*Đánh bạc*"

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L1 **30** *(Ba mươi)* tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn L2 **18** *(Mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Cao Xuân H4 **18** *(Mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N **15** *(Mươi lăm)* tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ **15** *(Mười lăm)* tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Hà Đức H1 **09** *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Giao các bị cáo Hoàng Văn L1, Hoàng Văn N và Hà Đức H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Hà Văn L2, Lê Văn Đ và Cao Xuân H4 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam

giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn L1, Hoàng Văn N, Hà Đức H1, Hà Văn L2, Lê Văn Đ và Cao Xuân H4 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải cạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Chu Văn T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Hà Quang V2 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Lê Xuân D2 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn T4 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3]. Về xử lý vật chứng:

+ Xác nhận Cơ quan điều tra Công an huyện T đã giao trả 08 chiếc xe mô tô, xe gắn máy và 09 chiếc điện thoại di động các loại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đây là các tài sản không liên quan đến việc đánh bạc, được thể hiện tại các biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19/11/2022).

+ Tịch thu khoản tiền 17.950.000đ (*Mười bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 04 mảnh giấy hình tròn, đường kính 1,9cm, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ bị vỡ làm 03 mảnh, viền đĩa có hoa văn màu hồng, 01 bát sứ miệng có đường kính 11,4cm, đáy bát có dòng chữ Long P, 01 tấm bạt loại xác rắn KT 3,4x1,4m, 01 tấm thảm hình chữ nhật KT 1,65x0,55m và 01 chiếc kéo cắt lưỡi kim loại, chuôi nhựa màu trắng, dài 21cm, trên lưỡi có chữ SVKI-JAPAN.

+ Trả lại cho anh Hoàng Văn X số tiền 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng)*.

+ Trả lại cho các bị cáo Hà Đức H1 11.730.000đ (*Mười một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*), Nguyễn Văn Đ1 12.990.000đ (*Mười hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)* và Cao Xuân H4 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Toàn bộ tài sản cùng những đồ vật trên hiện đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba và có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T *với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có lưu trong hồ sơ vụ án);*

[4]. Về án phí: Các bị cáo Chu Văn T, Hà Đức H1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn T8, Hà Quang V2, Hoàng Văn N, Lê Văn Đ, Cao Xuân H4, Lê Xuân D2 và Hà Văn L2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000.đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vi Thị Năm

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã T, H.Thanh Ba;
- UBND xã Đ, H. Thanh Ba;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.